

**DANH MỤC SỬA ĐỔI THUẾ SUẤT CỦA MẶT HÀNG PHÂN BÓN
TRONG BIỂU THUẾ THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 11/2001/QĐ-BTC ngày 13/3/2001
của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

Mã số			Mô tả nhóm mặt hàng	Thuế suất (%)
Nhóm	Phân nhóm			
3103			Phân khoáng hoặc phân hóa học, có chứa photphat	
3103	10	00	- Su-pe photphat (su-pe lân)	5
3103	20	00	- Xi ba-zơ (xi photphat)	0
3103	90		- Loại khác:	
3103	90	10	-- Phân lân nung chảy	5
3103	90	90	-- Loại khác	0
3105			Phân khoáng hoặc phân hóa học, chứa hai hoặc ba thành phần ni tơ, photpho, ka li; phân bón khác; các mặt hàng của Chương này ở dạng viên hoặc các dạng tương tự hoặc đóng trong bao bì trọng lượng cả bì không quá 10kg	
3105	10	00	- Các mặt hàng của Chương này ở dạng viên hoặc các dạng tương tự hoặc đóng trong bao bì, trọng lượng cả bì không quá 10 kg	0
3105	20	00	- Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa ba thành phần ni tơ, photpho và ka li	3
3105	30	00	- Diamoni dihydrogenorthophosphate (photphat diamoni)	0
3105	40	00	- Amoni dihydrogenorthophosphate (photphat monoamoni) và hỗn hợp của nó với diamoni hydrogenorthophosphate (photphat diamoni)	0
			- Phân khoáng hoặc phân hóa học khác chứa hai thành phần ni tơ và photphat:	
3105	51	00	- - Chứa ni tơ rất và photphat	0
3105	59	00	- - Loại khác	0
3105	60	00	- Phân khoáng hoặc phân hóa học chứa hai thành phần photphat và ka li	0
3105	90	00	- Loại khác	0

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH số 35/2001/QĐ-BTM
ngày 11/1/2001 về việc ban hành
Quy chế Đấu thầu hạn ngạch
hàng dệt, may xuất khẩu vào thị
trường có quy định hạn ngạch.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

*Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 04/12/1993
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn, tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;*

*Căn cứ Công văn số 1126/CP-KTTH ngày
21/9/1998 của Chính phủ về việc giao hạn ngạch
hàng dệt, may xuất khẩu vào thị trường có hạn
ngạch;*

*Căn cứ Quyết định số 1722/2000/QĐ-BTM
ngày 12/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại
về việc thành lập Hội đồng Đấu thầu hạn ngạch
hàng dệt, may;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Đấu thầu
hàng dệt, may,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này

Quy chế Đấu thầu hạn ngạch hàng dệt, may xuất khẩu vào thị trường có quy định hạn ngạch.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1405/1998/QĐ-BTM ngày 17/11/1998 và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng Đấu thầu, các ủy viên Hội đồng Đấu thầu, Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu và các doanh nghiệp tham gia đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thủ trưởng

MAI VĂN DẦU

QUY CHẾ Đấu thầu hạn ngạch hàng dệt, may xuất khẩu vào thị trường có quy định hạn ngạch

(ban hành kèm theo Quyết định số 35/2001/QĐ-BTM ngày 11 tháng 1 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng tham gia đấu thầu.

1.1. Các doanh nghiệp tham gia đấu thầu là các doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có ngành nghề phù hợp, đã đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc giấy phép đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Riêng đối với các mặt hàng: T-shirt (Cat.4), áo len (Cat.5), quần (Cat.6) và áo sơ mi nam (Cat.8) đối tượng tham gia đấu thầu là các doanh nghiệp đã được phân bổ hạn ngạch trong năm 2000.

Điều 2. Nguyên tắc đấu thầu:

2.1. Tổ chức đấu thầu và mở thầu công khai.

2.2. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng đợt

đấu thầu, Hội đồng Đấu thầu quy định mặt hàng (Category-Cat.), số lượng của từng mặt hàng và giá chào thầu cho mỗi mặt hàng của từng đợt đấu thầu.

2.3. Doanh nghiệp thuộc các đối tượng quy định tại Điều 1 được đăng ký dự thầu các mặt hàng (Cat.) đưa ra đấu thầu và mỗi Cat. được đăng ký với số lượng tối đa như quy định trong hồ sơ mời thầu.

Điều 3. Hội đồng Đấu thầu:

Hội đồng Đấu thầu gồm một lãnh đạo Bộ Thương mại làm Chủ tịch và các đại diện cấp Vụ của Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính là thành viên.

Danh sách các thành viên chính thức của Hội đồng Đấu thầu sẽ được lãnh đạo Bộ Thương mại công bố, sau khi có ý kiến của các Bộ tham gia. Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định thành lập Hội đồng Đấu thầu, cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Đấu thầu.

Hội đồng Đấu thầu có trách nhiệm chuẩn bị, tổ chức, thực hiện đấu thầu và công bố kết quả đấu thầu.

Phần II

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐẤU THẦU

Điều 4. Chuẩn bị đấu thầu:

4.1. Hội đồng Đấu thầu quy định mặt hàng, số lượng hạn ngạch đấu thầu, cách thức tổ chức đấu thầu và thông báo mời thầu (đăng trên các báo Thương mại, Đầu tư, Công nghiệp, Tài chính).

4.2. Hồ sơ dự thầu:

Mỗi doanh nghiệp chỉ gửi một túi hồ sơ dự thầu, bao gồm:

1. Bản đăng ký tham dự thầu.

2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc Giấy phép Đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

3. Bản cam kết ký quỹ bảo đảm thực hiện số lượng hạn ngạch trúng thầu.

Túi hồ sơ dự thầu dán kín, có dấu niêm phong và ghi rõ "Hồ sơ tham dự đấu thầu hạn ngạch hàng dệt may".

Điều 5. Quy trình thực hiện đấu thầu:

5.1. Đăng ký đấu thầu:

Các doanh nghiệp tham gia dự thầu có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 1 gửi hồ sơ dự thầu về Bộ Thương mại. Hạn cuối cùng nhận hồ sơ dự thầu là cuối giờ làm việc của ngày làm việc trước ngày mở thầu.

5.2. Thời gian, địa điểm mở thầu được quy định trong thông báo mời thầu.

5.3. Công bố kết quả đấu thầu: chậm nhất là 7 ngày làm việc kể từ ngày mở thầu, Hội đồng Đấu thầu công bố kết quả Đấu thầu trên các báo ngành và thông báo bằng văn bản đến các doanh nghiệp trúng thầu.

Điều 6. Tiêu chuẩn xét thầu:

Doanh nghiệp trúng thầu là doanh nghiệp có mức giá cao theo thứ tự đến hết số lượng gọi thầu cho mỗi chủng loại hàng và không thấp hơn mức giá chào thầu.

- Trong trường hợp có nhiều đơn dự thầu cùng đạt được giá trúng thầu thấp nhất thì số lượng có giá trúng thầu thấp nhất sẽ được chia theo tỷ lệ số lượng đăng ký của các đơn dự thầu mặt hàng đó.

- Trong trường hợp doanh nghiệp trúng thầu nhưng từ chối kết quả trúng thầu thì phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng đấu thầu trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả. Hội đồng Đấu thầu sẽ giao cho đơn vị có giá dự thầu kế tiếp thực hiện nếu các doanh nghiệp này chấp nhận. Trong trường hợp có nhiều doanh nghiệp kế tiếp có giá trúng thầu bằng nhau thì số lượng hạn ngạch trên sẽ được chia theo tỷ lệ số lượng đăng ký của các đơn dự thầu mặt hàng đó.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp trúng thầu:

7.1. Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu, các doanh nghiệp trúng thầu phải nộp tiền ký quỹ bảo đảm

thực hiện số lượng hạn ngạch trúng thầu bằng 15% tổng số tiền doanh nghiệp phải thanh toán hạn ngạch trúng thầu. Tiền ký quỹ được nộp bằng "Bảo chứng ngân hàng" hoặc tiền chuyển khoản của ngân hàng, nơi doanh nghiệp mở tài khoản, cấp. Bảo chứng ngân hàng này tự động hết hiệu lực khi doanh nghiệp thực hiện từ 90% hạn ngạch trúng thầu. Nếu trong thời gian trên doanh nghiệp không nộp "Bảo chứng ngân hàng" hoặc không chuyển khoản thì Thông báo giao hạn ngạch trúng thầu của lô hàng tương ứng sẽ tự động hết hiệu lực. Những lô hàng này sẽ được Hội đồng Đấu thầu xử lý theo Điều 6.

Doanh nghiệp nào không thực hiện đúng điều này sẽ không được tham gia đấu thầu hạn ngạch năm sau.

Số tiền ký quỹ này chỉ được giải tỏa khi các doanh nghiệp thực hiện từ 90% số lượng hạn ngạch trúng thầu trở lên.

7.2. Sau khi đã nộp tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện hạn ngạch trúng thầu theo quy định tại điểm 7.1, các doanh nghiệp trúng thầu gửi chứng từ đã nộp tiền đến Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu) để được nhận Thông báo giao hạn ngạch trúng thầu.

7.3. Doanh nghiệp trúng thầu sẽ không được nhận lại tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp trúng thầu thực hiện hạn ngạch trúng thầu dưới 90% hoặc rút đơn dự thầu sau thời gian quy định tại điểm 7.1.

7.4. Doanh nghiệp phải thanh toán tiền mua hạn ngạch trúng thầu cho từng lô hàng trước khi giao hàng.

7.5. Hạn ngạch trúng thầu được chuyển nhượng. Doanh nghiệp chuyển nhượng hạn ngạch trúng thầu phải có văn bản gửi cho Bộ Thương mại để được xác nhận.

Điều 8. Điều khoản thi hành.

Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày Quyết định ban hành và được gửi đến các Bộ, cơ quan quản lý nhà nước. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan cần kịp thời phản ánh về Hội đồng Đấu thầu để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Phụ lục**DANH MỤC HẠN NGẠCH CÁC MẶT HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU
SANG EU ĐƯỢC ĐƯA RA ĐẤU THẦU NĂM 2001***(kèm theo Quyết định số 35/2001/QĐ-BTM ngày 11 tháng 1 năm 2001).*

Mặt hàng	Cat.	Đơn vị tính	Tổng số lượng hạn ngạch đấu thầu năm 2001	Số lượng hạn ngạch đấu thầu của khu vực I	Số lượng hạn ngạch đấu thầu của khu vực II	Số lượng tối đa được đăng ký dự thầu	Giá chào thầu (VNĐ/chiếc/bộ)
1. T.Shirt	4	Chiếc	1.800.000	652.000	1.148.000	60.000	300,0
2. Áo len	5	Chiếc	600.000	252.000	348.000	15.000	1.000,0
3. Quần	6	Chiếc	900.000	342.000	558.000	15.000	1.000,0
4. Sơ mi nữ	7	Chiếc	500.000	133.000	367.000	30.000	500,0
5. Sơ mi nam	8	Chiếc	2.400.000	886.000	1.514.000	100.000	500,0
6. Áo khoác nữ	15	Chiếc	90.000	35.000	55.000	5.000	5.000,0
7. Áo lót nhỏ	31	Chiếc	720.000		720.000	200.000	1.000,0
8. Bộ quần áo thể thao	73	Bộ	190.000	40.000	150.000	10.000	2.000,0

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN**QUYẾT ĐỊNH số 34/2000/QĐ-BVHTT
ngày 20/12/2000 về việc công bố
văn bản quy phạm pháp luật hết
hiệu lực.****BỘ TRƯỞNG
BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN**

Căn cứ Nghị định số 81/CP ngày 08/11/1993 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Văn hóa - Thông tin;

Căn cứ Quyết định số 355/TTg ngày 28/5/1997 của Thủ tướng Chính phủ về tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ thỏa thuận của các Bộ (Bộ Tài chính: Công văn số 46/TC-CSTC ngày 23/5/2000, Ban Vật giá Chính phủ: Công văn số 437/BVGCP-

CNTDDV ngày 19/5/2000, Bộ Thương mại: Công văn số 2252/TM-PC ngày 18/5/2000, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Công văn số 1899/VP ngày 17/5/2000, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Công văn số 4399/VP ngày 18/5/2000);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Văn hóa - Thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục 461 văn bản quy phạm pháp luật kèm theo Quyết định này hết hiệu lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

KT. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin
Thư trưởng

LƯU TRẦN TIÊU